

Số: /2024/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành
phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
24/2014/NĐ-CP Nghị định 24/2014/NĐ-CP quy định về tổ chức các cơ quan
chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ
Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá,
thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ
Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và
kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC
ngày ... tháng ... năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Những nội dung khác liên quan đến quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá trong phạm vi địa phương

1. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện bình ổn giá theo chủ trương của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế ban hành.

d) Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì tùy theo tình hình cụ thể Ủy ban nhân dân thành phố phân công cho một trong các sở, ngành quản lý lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

2. Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá, tham mưu cho

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả về Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

3. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính.

4. Đối với trường hợp bình ổn giá tại phạm vi địa phương, các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này gửi hồ sơ đến Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc bình ổn giá tại địa phương; thực hiện rà soát, đánh giá diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế, tổng hợp kết quả và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời trực tiếp gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Phân công cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá

1. Phân công cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá, chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ;

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định 85/2024/NĐ-CP để xem xét, điều chỉnh giá; kiểm tra, xem xét kiến nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh

hàng hóa, dịch vụ; thực hiện việc thẩm định điều chỉnh phương án giá và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ.

d) Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

3. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu để các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể: Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu.

Điều 5. Phân công thực hiện quản lý kê khai giá trên địa bàn thành phố

1. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ tại Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại Điều 28 Luật Giá 2013 và Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ; thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ;

c) Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế rà soát, đề xuất danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương và không thuộc danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Giá số 16/2023/QH15

và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

3. Trách nhiệm rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hiện kê khai giá tại địa phương như sau:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các sở, cơ quan quản lý lĩnh vực, chuyên ngành tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức rà soát, ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương và không thuộc danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương trước ngày 15 tháng 02 hàng năm hoặc khi phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách tổ chức thực hiện kê khai giá.

Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định lại khoản 2 Điều 31 Luật Giá. Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc thành phố có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền hoặc thực hiện theo nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, thẩm định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân thành phố phân công tại các Điều 3, 4 và 5 Quyết định này.

Điều 7. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường định kỳ và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ trên địa bàn thành phố, trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Cục Thống kê phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của thành phố; Phân tích diễn biến CPI của thành phố trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

3. Phân công các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung; chi tiết phân công thực hiện theo phụ lục III kèm theo Quyết định này.

4. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC;

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

5. Đối với công tác báo cáo giá thị trường đột xuất, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo đến Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng báo cáo giá thị trường trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu.

Điều 8. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, xây dựng và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 9. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; thực hiện nhiệm vụ vận hành, bảo trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Các Sở, ngành, cơ quan thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban

hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 10. Trách nhiệm cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Các sở, ngành, cơ quan thuộc thành phố chịu trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố do sở, ngành, cơ quan quản lý lĩnh vực, chuyên ngành chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan thuộc thành phố quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai theo phân công tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

d) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có);

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai theo phân công tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

d) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có);

đ) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

3. Ngoài các thông tin quy định tại khoản 1, 2 Điều này; Các sở, ngành, cơ quan thuộc thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương cụ thể như sau:

a) Sở Tài chính: Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Bộ Tài chính; Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân

thành phố ban hành theo quy định của pháp luật trừ các trường hợp tại điểm b, c khoản này; Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; Giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai; Giá đất được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả trúng đấu giá; các loại giá đất khác do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định tại pháp luật về đất đai.

c) Sở Xây dựng: Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng; Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo; Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả giá trị đất được phân bổ; Các loại giá thực hiện theo pháp luật về nhà ở do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định;

d) Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Ủy ban nhân dân thành phố định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo: Học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học (Nếu có);

e) Sở Lao động - Thương binh và xã hội: Học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (Nếu có);

h) Sở Công thương: Giá điện và giá các dịch vụ về điện do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định (Nếu có);

i) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt: Giá gói thầu, Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 11. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính: Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc thành phố về việc

thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân thành phố phân công tại Quyết định này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức trong danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực thực hiện kê khai giá trên địa bàn thành phố.

3. Thành viên đoàn kiểm tra (bao gồm trưởng đoàn kiểm tra) do các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ kiểm tra quyết định.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tại khoản 1, 2 Điều này có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố để phê duyệt kế hoạch kiểm tra trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng.... năm 2024.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 11/09/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Bãi bỏ Khoản 12 Điều 1 Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi Quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định 1063/2015/QĐ-UBND và khoản 1 Điều 23 Quyết định 1063/2015/QĐ-UBND ngày 21/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Sửa đổi khoản 6 Điều 20 Quy định kèm theo Quyết định 48/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

“6. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, thực hiện xây dựng và thẩm định phương án giá theo Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật Giá. Đối với nguồn vốn khác thực hiện theo Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.”

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện quyết định này; nếu có vướng mắc hoặc nội dung đặc thù cần hướng dẫn, các đơn vị báo cáo về Sở Tài chính để hướng dẫn giải quyết và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung vượt thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Báo HP, Báo ANHP, Đài PTTHHP, Cổng Thông tin điện tử TP;
- CPVP;
- Các Phòng chuyên viên;
- CV: DN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC I:
Phân công cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Sở Giao thông vận tải đối với cảng, bến thủy nội địa; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cảng cá
5	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Nước sạch	- Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với khu vực nông thôn)
8	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
9	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.	Sở Y tế (Nếu có)
10	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá
11	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
12	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có)
13	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có)
14	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; Sở Lao động - Thương binh và xã hội chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có)
15	Nhà ở công vụ	Thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở; Sở Xây dựng chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có)
16	Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở	
17	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn	
18	Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở	
19	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá
20	Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai	Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai
21	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường
23	Dịch vụ nghỉ trang, dịch vụ hòa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
24	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
25	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Sở Giao thông vận tải
26	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
27	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	- Sở Xây dựng (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại cụm công nghiệp) - Sở Công thương đối với dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại cụm công nghiệp
28	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải
29	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
30	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
31	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương
32	Trường hợp thực hiện biện pháp bình ổn giá tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá 2023 là Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

Phụ lục II:

Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Công Thương
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân thành phố định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể		
1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt		Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô		Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do thành phố quản lý		Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do thành phố		Sở Giao thông vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
	quản lý		
6	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do thành phố quản lý		Sở Giao thông vận tải
7	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do thành phố quản lý		Sở Giao thông vận tải
8	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế) và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa thành phố Hải Phòng		Sở Y tế
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng		Sở Tư pháp
10	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục		Sở Giáo dục
11	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ mà Ủy ban nhân dân thành phố định khung giá, giá tối đa		- Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. - Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Xây dựng
5	Than		Sở Công Thương

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá		Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Giao thông vận tải
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Công Thương
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
IV	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại thành phố Hải Phòng		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Du lịch	Sở Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Du lịch	Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
	khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)		
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương	Sở Công Thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

PHỤ LỤC III:

Phân công cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
I	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM	
1	Thóc tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
4	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
5	Thịt bò thăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
6	Thịt bò bắp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
7	Gà ta	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
8	Gà công nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
9	Cá quả (cá lóc)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
10	Cá chép	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
11	Tôm thẻ chân trắng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
12	Bắp cải trắng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
13	Cải xanh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
14	Bí xanh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
15	Cà chua	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
16	Giò lụa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện
17	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	
18	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III	VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT	
20	Xi măng PCB 30	Sở Xây dựng
21	Xi măng PCB 40	Sở Xây dựng
22	Xi măng PCB 50	Sở Xây dựng
23	Thép cuộn	Sở Xây dựng
24	Thép cuộn	Sở Xây dựng
25	Thép thanh vằn	Sở Xây dựng
26	Phôi thép vuông	Sở Xây dựng
27	Phôi thép dẹt	Sở Xây dựng
28	Phôi thép dẹt	Sở Xây dựng
29	Thép góc	Sở Xây dựng
30	Thép góc	Sở Xây dựng
31	Thép góc	Sở Xây dựng
32	Thép góc	Sở Xây dựng
33	Thép góc	Sở Xây dựng
34	Cát xây	Sở Xây dựng
35	Cát vàng	Sở Xây dựng
36	Cát đen đổ nền	Sở Xây dựng
37	Gạch xây	Sở Xây dựng
38	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
IV	DỊCH VỤ Y TẾ	
39	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
40	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
V	GIAO THÔNG	
41	Trông giữ xe máy	Sở Giao thông Vận tải
42	Trông giữ ô tô	Sở Giao thông Vận tải
43	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông Vận tải
44	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông Vận tải
VI	DỊCH VỤ GIÁO DỤC	
45	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
46	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
47	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo
48	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và xã hội